



Working Paper 2024.1.2.5
- Vol. 1, No. 2

RỦI RO PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO PHÁP NHÂN THƯƠNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Đoàn Khánh Vân¹; Nguyễn Từ Thanh Hương; Nguyễn Thu Huyền

Sinh viên K60 – Luật Thương mại quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Mai Thị Chúc Hạnh

Giảng viên Khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Trong bối cảnh mới của thế giới, quá trình trao đổi và kinh doanh giữa các nước dần trở nên phổ biến, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. Ở Việt Nam, hoạt động đầu tư quốc tế là một trong số những hoạt động kinh doanh được chú trọng và ưu tiên phát triển. Hoạt động đầu tư quốc tế được thực hiện bởi các cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước diễn ra ngày càng rộng rãi và là trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam những năm gần đây. Với lý do đó, việc tìm hiểu hoạt động đầu tư quốc tế của các pháp nhân thương mại, đặc biệt về những rủi ro pháp lý liên quan đến pháp nhân trong quá trình đầu tư là vô cùng quan trọng. Có thể chia các rủi ro pháp lý thành hai nhóm chính: rủi ro pháp lý do nguyên nhân chủ quan và rủi ro pháp lý do nguyên nhân khách quan. Bài viết nghiên cứu khoa học lần này của nhóm tác giả hướng đến nâng cao hiểu biết, kinh nghiệm cho pháp nhân thương mại Việt Nam, đồng thời là cơ sở để hoàn thiện hành lang pháp lý thuộc lĩnh vực đầu tư quốc tế ở Việt Nam.

Từ khóa: rủi ro pháp lý, pháp nhân thương mại, đầu tư quốc tế

LEGAL RISKS RELATED TO COMMERCIAL LEGAL ENTITIES IN INTERNATIONAL INVESTMENT ACTIVITIES AND LESSONS LEARNT FOR COMMERCIAL LEGAL ENTITIES IN VIETNAM

Abstract

¹ Tác giả liên hệ: k60.2114610040@ftu.edu.vn

The process of trade and commerce across nations is increasingly gaining popularity in the modern world, particularly in the area of international business. International investment operations are one of the business activities prioritized and concentrated on for growth in Vietnam. International investment operations, which are more common and have been the emphasis of Vietnam's socioeconomic development plan in recent years, are carried out by both domestic and international individuals and legal entities. For that reason, understanding the international investment activities of commercial legal entities, especially about legal risks related to legal entities during the investment process, is extremely important. Legal risks can be divided into two main groups: legal risks due to subjective causes and legal risks due to objective causes. This scientific research article by the author group aims to improve understanding and experience for Vietnamese commercial legal entities, and at the same time serve as a basis for perfecting the legal corridor in the field of international investment in Vietnam.

Key words: legal risks, commercial legal entities, international investment

Mở đầu

Trong suốt những năm gần đây, Việt Nam luôn cố gắng chú trọng phát triển đất nước với nhiều hoạt động, dự án mang tính chất quốc tế, mở cửa giao thương, hội nhập với nhiều quốc gia trên thế giới. So với trước kia, Việt Nam chỉ đặc biệt quan tâm nhiều tới việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài thì giờ đây Nhà nước ta đã và đang không ngừng phát triển cả các khoản đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Trong đó, pháp nhân thương mại đóng vai trò vô cùng quan trọng trong tiến trình hoàn thiện của đất nước. Với số lượng ngày càng nhiều các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế được thành lập có tiềm lực lớn đã thúc đẩy hoạt động đầu tư quốc tế của Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Đi cùng với sự “khởi sắc” trong kinh doanh quốc tế không thể tránh được các nguy cơ xảy ra rủi ro, pháp nhân thương mại cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề này để có đầy đủ kiến thức giúp phòng tránh, giảm thiểu tới đa những “tai nạn” không đáng có nhằm đảm bảo hoạt động của tổ chức diễn ra suôn sẻ, mang lại nhiều lợi ích kinh tế.

1. Đặt vấn đề

Đầu tư quốc tế hiện nay đang là một trong những hoạt động kinh doanh xuyên biên giới được chú trọng và ưu tiên. Tuy nhiên tiềm ẩn những rủi ro về pháp lý phát sinh như rủi ro về chủ thể, tài sản của pháp nhân hay rủi ro trong quá trình ban hành, thực thi pháp luật của các nhà nước tiếp nhận đầu tư. Thực tế hiện nay, đa phần các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào thị trường đầu tư nước ngoài với kinh nghiệm thị trường non trẻ, nguồn lực hạn chế thì sự biến động của thị trường thời kỳ siêu hội nhập, siêu cạnh tranh như hiện nay có thể sẽ khiến các doanh nghiệp đứng trước nhiều rủi ro ở nhiều cấp độ khác nhau. Theo số liệu được thống kê sơ bộ của Bộ Tư pháp, trong năm 2019, có tất cả 10 vụ tranh chấp giữa các nhà đầu tư nước ngoài với Nhà nước diễn ra tại trọng tài quốc tế, 22 vụ nhà đầu tư có ý định khởi kiện, 19 vụ việc khác được giải quyết tại các cơ quan tố tụng có thẩm quyền tại Việt Nam và 129 vụ việc khác đã và đang được giải quyết tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Điều này dẫn đến việc vụ kiện càng lớn thì số tiền bỏ ra, thời gian bỏ ra và kể cả uy tín thị trường càng ảnh hưởng. Tranh chấp trong đầu tư quốc tế một khi đã xảy ra sẽ để lại ấn tượng tiêu cực cho các chủ thể tham gia về môi trường pháp lý không minh bạch và hoạt động thực thi cam kết kém hiệu quả của Việt Nam. Những hệ lụy này rất khó lượng hóa và đôi khi còn gây ra nhiều tác động mạnh hơn

những gì dự trù được. Dựa trên sự rủi ro về các vấn đề pháp lý đó, bài viết hướng đến nghiên cứu về những rủi ro mà pháp nhân thương mại có thể gặp phải trong lĩnh vực đầu tư quốc tế, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý giúp hạn chế rủi ro, góp phần cho pháp nhân thương mại thành công trong hoạt động đầu tư.

2. Tổng quan về pháp nhân thương mại và hoạt động đầu tư quốc tế

2.1. Pháp nhân thương mại

2.1.1. Khái niệm

Pháp nhân là tên gọi được sử dụng tương đối phổ biến. Bên cạnh đó, còn có các tên gọi khác như “đơn vị” ở các quốc gia như Áo hoặc Trung Quốc. Hay có tên gọi “tổ chức” ở Thụy Sĩ hoặc “pháp nhân thương mại” (Việt Nam). Trong phạm vi nghiên cứu này, khái niệm “pháp nhân” được sử dụng làm tên gọi cho chủ thể không phải là người hay cá nhân hoặc thể nhân và chỉ có ý nghĩa đối lập với “thể nhân” (người/cá nhân), song không gắn với điều kiện được coi là pháp nhân theo quy định của pháp luật bất cứ quốc gia nào. Theo góc độ nghiên cứu như vậy khái niệm pháp nhân thương mại là một khái niệm được định nghĩa rất rộng, đa chiều với nhiều tài liệu khác nhau. Tùy theo cách định nghĩa của các quốc gia, tổ chức khác nhau, ta có thể nêu bật một số định nghĩa pháp nhân thương mại như sau:

Đối với pháp luật Việt Nam:

Khái niệm về pháp nhân thương mại quy định cụ thể theo Bộ luật Dân sự 2015 là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận sẽ được chia cho các thành viên. Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

Như vậy, theo quy định Bộ luật Dân sự 2015 thành phần của pháp nhân thương mại là doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Các công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần, công ty hợp danh,... được pháp luật công nhận tư cách pháp nhân hoạt động vì mục đích lợi nhuận thì được xem là pháp nhân thương mại.

Đối với pháp luật một số quốc gia trên thế giới:

Theo Luật Vương quốc Anh, khái niệm “pháp nhân thương mại” được định nghĩa như sau: Pháp nhân thương mại (thực thể doanh nghiệp) là một thực thể được công nhận và xác định quyền và nghĩa vụ của mình trong hoạt động kinh doanh. Nó có thể tồn tại độc lập với các cá nhân thành viên của nó và có khả năng thực hiện các giải pháp hành động, kinh doanh và tài chính riêng biệt. Pháp nhân thương mại có thể là một công ty tư nhân (công ty tư nhân), công ty công cộng (công ty đại chúng), liên doanh (liên doanh), hoặc một hình thức kinh doanh khác được công nhận theo quy định của Luật Vương quốc Anh.

Theo Luật Pháp Trung Quốc, khái niệm “pháp nhân thương mại” được định nghĩa như sau: Pháp nhân thương mại là một tổ chức kinh doanh được công nhận và có quyền và nghĩa vụ pháp lý độc lập. Nó có thể sở hữu tài sản, ký kết hợp đồng, thực hiện các hoạt động kinh doanh, cam kết trách nhiệm pháp lý và cam kết trách nhiệm chính theo quy định của pháp luật. Pháp nhân thương mại có thể là một công ty hợp danh (công ty hợp danh), công ty trách nhiệm hữu hạn (công ty trách nhiệm hữu hạn), công ty cổ phần (công ty cổ phần), hoặc các hình thức kinh doanh khác được pháp luật Trung Quốc công nhận.

2.1.2. Điều kiện trở thành pháp nhân thương mại

Điều kiện tiên quyết trước tiên để có thể trở thành pháp nhân thương mại thì phải thỏa mãn tất cả các yếu tố để trở thành pháp nhân. Dựa vào Điều 74 Bộ luật Dân sự 2015 ta có thể thấy một tổ chức muốn trở thành pháp nhân khi thỏa mãn các điều kiện như được thành lập theo quy định của Bộ luật Dân sự hoặc bộ luật khác có quy định về pháp nhân. Tiếp theo là có cơ cấu tổ chức theo quy định tại điều 83 của Bộ luật Dân sự 2015; có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; và nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Mục tiêu hoạt động của một pháp nhân thương mại gồm mục tiêu chính là tạo ra lợi nhuận và tăng trưởng doanh thu. Đây là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của tổ chức kinh doanh. Thứ hai là việc tối ưu hoá giá trị cổ đông vì pháp nhân thương mại có mục tiêu tăng giá trị cho cổ đông thông qua việc tăng giá trị cổ phiếu, chia cổ tức hoặc tăng giá trị chủ sở hữu. Thứ ba là cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tạo ra sự hài lòng cho họ. Thứ tư một giải pháp nhân thương mại có thể đạt được mục tiêu tạo việc làm cho người lao động và đóng góp cho việc phát triển và cộng đồng nơi hoạt động. Và cuối cùng là tuân thủ quy định luật pháp và đạo đức kinh doanh để đảm bảo hoạt động hợp pháp và đáng tin cậy. Mục tiêu hoạt động của pháp nhân thương mại có những tùy chọn khác nhau tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh, mục tiêu chiến lược của tổ chức và cốt lõi giá trị của nó.

Cần phân biệt pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại. Có thể phân biệt theo Điều 76 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về pháp nhân phi thương mại là những pháp nhân có đặc điểm không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; và không phân chia cho các thành viên kể cả khi có lợi nhuận. Trái với pháp nhân thương mại đặt mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận, thì pháp nhân phi thương mại lại không đặt ra mục tiêu này, và mọi hoạt động sẽ là phi lợi nhuận, nên không chia lợi nhuận nếu có cho mọi thành viên.

2.2. Đầu tư quốc tế

2.2.1. Khái niệm

Hoạt động đầu tư là một trong những hoạt động vô cùng phổ biến với xu hướng ngày càng toàn cầu hóa hiện nay. Vì vậy khái niệm đầu tư cũng mang một nội hàm phong phú và định nghĩa tùy theo từng lĩnh vực sẽ có những cách lý giải khác nhau. Cơ bản vẫn có thể hiểu đầu tư là việc sử dụng vốn vào một hoạt động nhất định nhằm thu lại lợi nhuận hoặc lợi ích kinh tế xã hội cho một cá nhân hoặc pháp nhân nào đó. Theo khái niệm đó, đầu tư quốc tế cũng sẽ mang bản chất là các hoạt động đầu tư nhưng với tính chất và đặc thù thì sẽ có những cách lý giải khác nhau về cụm từ này:

Định nghĩa theo các tổ chức trên thế giới:

Theo quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fund) đưa ra định nghĩa đây là hoạt động đầu tư quốc tế xuyên biên giới với mục đích nhằm đạt được những lợi nhuận lâu dài trong một doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của một nền kinh tế khác nền kinh tế nước chủ đầu tư, mục đích của chủ đầu tư là giành quyền quản lý thực sự doanh nghiệp.

Hoặc theo Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development) đưa ra khái niệm đầu tư quốc tế là việc các chủ đầu tư của một nước tìm

kiếm được lợi nhuận lâu dài thông qua chuỗi hoạt động đầu tư trực tiếp được đặt tại nước được lựa chọn để đầu tư.

Tổ chức Thương mại thế giới (World Trade Organization) cũng đưa ra định nghĩa đầu tư quốc tế là khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) đi kèm với quyền quản lý tài sản đó.

Định nghĩa theo luật một số quốc gia:

Luật Đầu tư nước ngoài của Cộng hoà liên bang Nga (4/7/91) quy định về đầu tư nước ngoài là tất cả các hình thức giá trị tài sản hay giá trị tinh thần mà người đầu tư nước ngoài đầu tư vào các đối tượng của hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác với mục đích thu lợi nhuận

Luật của Ucraina cũng đã đưa ra khái niệm luật đầu tư nước ngoài là tất cả các hình thức giá trị do các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các đối tượng của hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác với mục đích thu lợi nhuận hoặc các hiệu quả xã hội.

Hay tại hội thảo của Hiệp hội Luật quốc tế ở Hen-xinh-ki (Phân Lan) năm 1966, đầu tư nước ngoài được định nghĩa đầu tư nước ngoài là sự di chuyển vốn từ nước của người đầu tư sang nước của người sử dụng nhằm xây dựng ở đó xí nghiệp kinh doanh hoặc dịch vụ.

Trong bối cảnh hiện nay thì hai khái niệm đầu tư quốc tế hay đầu tư nước ngoài nó đều mang một hàm ý chung về một hoạt động của con người. Tùy theo từng cách nhận định về các hoạt động đầu tư từ nước này sang nước khác ta có thuật ngữ “đầu tư nước ngoài”. Tuy nhiên trên toàn thể xu hướng của nền kinh tế hiện nay, thì hoạt động đó được gọi là đầu tư quốc tế. Nhìn chung, hai thuật ngữ này trong bối cảnh toàn cầu hóa và đa phương hóa ngày càng sâu rộng thì không cần thiết phải phân biệt.

Đối với định nghĩa theo pháp luật Việt Nam:

Luật đầu tư Việt nam năm 2005 cũng nêu ra định nghĩa đây là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư tại Việt Nam”, tuy nhiên, Luật Đầu tư năm 2014 đã không còn quy định nội dung này.

Tóm lại, mặc dù nhiều tài liệu đưa ra nhiều khái niệm về đầu tư quốc tế, song ta có thể khái quát chung hoạt động này có nội hàm như sau: Đầu tư quốc tế là việc các nhà đầu tư của một quốc gia đưa vốn hoặc bất kỳ hình thức giá trị tài sản nào khác sang một quốc gia khác với mục đích thu lợi nhuận hoặc đạt các hiệu quả xã hội từ hoạt động trong các dự án đầu tư.

2.2.2. Đặc điểm

Phương tiện chủ yếu tham gia đầu tư quốc tế là có vốn đầu tư: Các chủ đầu tư khi muốn đầu tư ra nước ngoài thì trước tiên phải sở hữu tiền, nhà xưởng, bằng phát minh, đất đai, sáng chế,.. và phải được lượng hóa bằng một đơn vị tiền tệ để dễ so sánh và tính toán. Chủ thể trực tiếp tham gia vào quá trình này có thể liệt kê bao gồm: chính phủ, các tổ chức quốc tế, công ty, những tập đoàn kinh tế (khu vực tư nhân).

Đầu tư quốc tế cơ bản cũng mang những đặc điểm của đầu tư như: thứ nhất về tính sinh lợi mang lại lợi nhuận hoặc lợi ích kinh tế xã hội, trong quá trình đầu tư quốc tế về vốn có thể đánh giá ở nhiều chiều hướng khác nhau từ rộng đến hẹp như: ảnh hưởng đến nền kinh tế trên thế giới, tác động đến các quốc gia cụ thể và lợi ích của chủ sở hữu vốn. Tiếp theo là tính mạo

hiểm, rủi ro. Có thể thấy trong hoạt động đầu tư sẽ được diễn ra trong một thời gian dài và chịu tác động của rất nhiều yếu tố như yếu tố khách quan và chủ quan nên có thể dẫn đến kết quả đầu tư khác với những dự đoán ban đầu. Điều này dẫn đến việc lợi nhuận hoặc các lợi ích về kinh tế- xã hội thu được sẽ giảm, thậm chí là thua lỗ. So với các nhà đầu tư nội địa thì các nhà đầu tư khi xuyên biên giới sẽ gặp nhiều bất lợi và rủi ro hơn vì ảnh hưởng của khoảng cách địa lý, văn hóa, xã hội,....

Các yếu tố đầu tư có sự dịch chuyển ra khỏi biên giới. Trong quá trình đầu tư, quyền sở hữu vốn luôn thuộc về chủ đầu tư của nước đầu tư, nhưng vốn được sử dụng tại nước nhận đầu tư. Có nhiều cách để phân loại đầu tư quốc tế như theo chủ đầu tư, giới hạn đầu tư, theo quan hệ giữa chủ đầu tư và đối tượng tiếp nhận đầu tư,... Ví dụ: về cách phân loại theo chủ đầu tư có hai hình thức: đầu tư tư nhân quốc tế và đầu tư phi tư nhân quốc tế

2.3. Hoạt động đầu tư quốc tế của pháp nhân thương mại của Việt Nam ra nước ngoài và đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

Trong những năm gần đây, hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài có nhiều sự “khởi sắc”, tổng số vốn đầu tư ra nước ngoài trong 05 tháng đầu tiên trong năm 2023 của Việt Nam xấp xỉ 316,4 triệu USD, đạt 93,5% so với cùng kỳ năm 2022. Vốn đầu tư của doanh nghiệp tại Việt Nam được phủ khắp 25 quốc gia, trong đó có cả những thị trường mới, có tiềm năng lớn như Tây Ban Nha, Mỹ,...có sự khác biệt so với giai đoạn trước đã tập trung nhiều ở Myanmar và các nước láng giềng khác.

Thực tiễn, có tổng số 47 dự án đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, tương đương tổng vốn đăng ký hơn 142,7 triệu USD (bằng 48,6% so với cùng kỳ); 16 lượt dự án điều chỉnh với tổng vốn đầu tư tăng thêm gần 173,7 triệu USD (gấp 3,9 lần so với cùng kỳ).

Có tất cả 13 ngành được các nhà đầu tư Việt Nam tập trung đầu tư ra nước ngoài. Trong đó, bán buôn và bán lẻ dẫn đầu với 15 dự án đầu tư mới, 05 lượt điều chỉnh vốn, tổng số vốn đầu tư đăng ký đầu tư ra nước ngoài lên tới 147,7 triệu USD, chiếm 46,7% tổng số vốn đăng ký. Đứng kế sau đó, giữ vị trí thứ hai là ngành thông tin truyền thông với tổng số vốn đầu tư hơn 108,5 triệu USD, đạt 34,3%; tiếp đến là các ngành như tài chính - ngân hàng, nông - lâm - ngư nghiệp,...

Với tình hình đầu tư quốc tế hiện nay có 20 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2023. Ca-na-đa dẫn đầu có 01 dự án đầu tư mới và 01 dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt hơn 150,2 triệu USD, chiếm 47,5% tổng vốn đầu tư. Sau đó lần lượt là Xinh-ga-po, Lào, Cu-ba,...

Lũy kế đến ngày 20/5/2023, Việt Nam có 1.648 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư gần 22,1 tỷ USD. Trong đó, 141 dự án của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, với tổng vốn đầu tư ra nước ngoài gần 11,67 tỷ USD, chiếm 52,8% tổng vốn đầu tư của cả nước. Việt Nam tập trung đầu tư ra nước ngoài nhiều nhất vào các ngành khai khoáng (31,5%); nông, lâm nghiệp, thủy sản (15,6%). Các quốc gia nhận đầu tư của Việt Nam nhiều nhất lần lượt là Lào (24,4%); Cam-pu-chia (13,3%); Vê-nê-zuê-la (8,3%).

Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại, những số liệu thống kê về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam còn nhiều bất cập và vẫn còn sai sót, đặc biệt là các đánh giá cụ thể về doanh thu, thực trạng tài chính, nộp ngân sách của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thông tin trong hệ thống chính sách pháp luật giữa các nước về đầu tư quốc tế cũng chưa được hoàn

thiện. Thực trạng này không chỉ gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư mà còn khiến các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là những doanh nghiệp có mong muốn đầu tư ra nước ngoài để tìm kiếm lợi nhuận sẽ gặp một vài bất cập trong quá trình hiện thực hóa cơ hội của mình.

Ở khía cạnh tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài Việt Nam, sau 30 năm mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam không ngừng tăng. Trong năm 2010, vốn đầu tư thực hiện đạt 11 tỷ USD, đến năm 2015 có đến 14,5 tỷ USD, và tới năm 2016 tăng lên 15,8 tỷ USD. Đến cuối năm 2017, Việt Nam thu hút được trên 25.000 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng mức đầu tư đăng ký hơn 333 tỷ USD. Đến nay, đã có đến 129 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Các dự án FDI đã hiện diện tại 63/63 tỉnh thành trên lãnh thổ Việt Nam, vốn FDI cũng đã được đầu tư vào 19/21 ngành nghề sản xuất kinh doanh của Việt Nam (Bộ Tài chính, 2018). Dựa trên những thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2019 vốn FDI vào Việt Nam đạt 38,95 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2018. Trong đó, số dự án đăng ký góp vốn mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 3883 dự án với tổng giá trị 16,75 tỷ USD, đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Với lợi thế cạnh tranh về môi trường đầu tư thông thoáng, môi trường chính trị, kinh tế vĩ mô phát triển khá ổn định, nguồn nhân lực dồi dào với chi phí thấp, Việt Nam là một trong những quốc gia tiếp nhận đầu tư lý tưởng đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Với thế mạnh đó dòng vốn FDI vào Việt Nam những năm gần đây có xu hướng tăng lên, đặc biệt là sau khi Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương.

Tuy nhiên, trong năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng nên vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam lâm vào tình trạng giảm sút, tổng số vốn đầu tư chỉ còn 28,53 tỷ USD, giảm đến 25% so với năm 2019. Trong 3 tháng đầu năm 2022, có tổng số 65 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Theo số liệu tháng 03/2022, 03 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư cao nhất bao gồm: Singapore (gần 2,29 tỷ USD, chiếm 25,7% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam); Hàn Quốc (xấp xỉ 1,61 tỷ USD, chiếm 18% tổng vốn đầu tư); Đan Mạch (đạt 1,32 tỷ USD, chiếm 14,8% tổng vốn đầu tư); tiếp đó là Trung Quốc, Hà Lan, Nhật Bản,...

Nhìn chung, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam đã và đang trên đà tăng trưởng trở lại sau giai đoạn suy giảm kéo dài. Những dự án có quy mô lên đến hàng tỷ USD cũng đang dần xuất hiện ngày càng nhiều. Với nhiều thế mạnh trên thương trường có thể thấy Việt Nam là một trong những quốc gia cũng là một nền kinh tế xứng đáng để đầu tư. Trong bối cảnh kinh tế ngày càng trở nên khó khăn và phức tạp, nhà đầu tư nước ngoài vẫn đang tiếp tục "rót" vốn mạnh vào Việt Nam, điều này đã một phần thể hiện niềm tin của nhà đầu tư vào môi trường đầu tư - kinh doanh của Việt Nam và hứa hẹn tạo nên những lợi ích xứng đáng nhất cho các bên.

3. Rủi ro pháp lý khi pháp nhân thương mại tiến hành hoạt động đầu tư quốc tế

Hiện nay, tại Luật Đầu tư cũng như các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đầu tư của Việt Nam không có quy định định nghĩa về rủi ro pháp lý. Trong Quyết định số 105/QĐ-UBCK quyết định về việc ban hành quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán, rủi ro pháp lý được hiểu là tình thế bất lợi phát sinh từ

việc không tuân theo các quy định pháp luật có liên quan đến các hoạt động kinh doanh, hoặc từ sự kiện hủy bỏ hợp đồng bất hợp pháp; do vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hay chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn và cũng có thể xuất phát bởi những nguyên nhân khác.

Rủi ro pháp lý trong hoạt động đầu tư quốc tế có thể chia thành nhiều loại. Đối với bài viết nghiên cứu chủ thể pháp nhân thương mại, nhóm tác giả tiến hành phân loại dựa trên nguyên nhân hình thành rủi ro pháp lý, bao gồm hai loại chính sau: rủi ro pháp lý do nguyên nhân chủ quan và rủi ro pháp lý do nguyên nhân khách quan.

3.1. Rủi ro pháp lý xuất phát từ nguyên nhân chủ quan

Rủi ro pháp lý xuất phát từ nguyên nhân chủ quan là những rủi ro đến từ bản thân pháp nhân thương mại khi tham gia hoạt động đầu tư quốc tế, gây tổn hại đến chính pháp nhân đó và các chủ thể khác trong quan hệ đầu tư. Trong đó, phổ biến nhất là chủ thể tham gia hoạt động đầu tư lạm dụng có tư cách pháp nhân để lừa dối, thông tin không đúng sự thật đến các đối tác, nhà đầu tư. Việc thành lập pháp nhân để hoạt động kinh doanh, thương mại có những đặc thù nhất định. Dựa trên những đặc điểm đặc trưng của pháp nhân thương mại, có thể phân loại rủi ro đến từ nguyên nhân chủ quan thành hai dạng như sau:

3.1.1. Rủi ro về mặt chủ thể dưới tư cách pháp nhân

Pháp nhân được pháp luật quy định tồn tại tự thân như một “con người pháp lý”, cùng với tự nhiên nhân (cá nhân), pháp nhân là chủ thể thứ hai được tham gia các quan hệ xã hội và chịu sự điều chỉnh của pháp luật một cách độc lập. Pháp nhân có cả nghĩa vụ lẫn quyền lợi của riêng mình, và có thể bị kiện và ngược lại được đứng ra kiện một bên thứ ba mà không cần phụ thuộc vào bất cứ chủ thể nào khác. Khi có tranh chấp xảy ra, pháp nhân cũng phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản riêng của mình.

Bắt nguồn từ đặc điểm được trên, các thành viên của pháp nhân đã nắm bắt được những kẽ hở khi hoạt động dưới tư cách pháp nhân. Ở đó, tư cách pháp nhân tạo ra vách ngăn hoàn hảo bảo vệ các thành viên khỏi các tác nhân bên ngoài. Những nhà đầu tư có quan hệ hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư với một doanh nghiệp hay công ty nào đó đặc biệt là doanh nghiệp ở quốc gia khác, họ khó có thể tìm hiểu và kiểm chứng được ngọn ngành, tường tận về doanh nghiệp đó, về hoạt động kinh doanh, tư cách pháp nhân, uy tín của công ty... chưa kể đến việc họ phải biết được những người trong công ty mà mình hợp tác là ai. Vô hình chung, cái vách ngăn mang tên “tư cách pháp nhân” lại tạo điều kiện cho các thành viên trong đó được hoạt động một cách tự do, vô lối, thậm chí là trái với quy định của pháp luật. Vì những hạn chế về mặt khoảng cách địa lý và tận dụng được những lợi thế do tư cách pháp nhân mang lại, các chủ thể đã lạm dụng những đặc điểm này trong hoạt động đầu tư quốc tế. Điển hình là vụ việc đáng chú ý của Tập đoàn Tân Hoàng Minh, Chủ tịch Đỗ Anh Dũng và các cá nhân khác của Tập đoàn này sử dụng ba công ty con là Công ty Ngôi Sao Việt; Công ty Soleil và Công ty Cung Điện Mùa Đông phát hành tổng cả 09 đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ, trị giá hơn 10.000 tỷ đồng, huy động được gần 14.000 tỷ đồng. Số tiền huy động được từ các nhà đầu tư không được dùng đúng mục đích kinh doanh nêu trong hồ sơ phát hành trái phiếu mà để phục vụ cho lợi ích cá nhân của các đối tượng trên. Các bị hại là những nhà đầu tư trong vụ việc Tập đoàn Tân Hoàng Minh là những người thiếu thông tin, bị những thông tin giả do người lạm dụng tư cách pháp nhân cung cấp lôi kéo đầu tư. Đặc biệt đối với hoạt động đầu tư quốc tế, các nhà đầu tư dễ rơi vào tình thế này.

3.1.2. Rủi ro về mặt tài sản, tài chính của pháp nhân thương mại

Tài sản của pháp nhân tồn tại tách bạch với tài sản của thành viên mặc dù nguồn hình thành tài sản của pháp nhân là do các thành viên đóng góp. Cũng chính vì lý do đó, trong các quan hệ pháp luật, nghĩa vụ dân sự do pháp nhân xác lập thì pháp nhân ấy tự chịu trách nhiệm và tương tự đối với thành viên. Pháp nhân không chịu trách nhiệm thay cho cá nhân và đứng với chiều ngược lại.

Trong hoạt động đầu tư quốc tế, việc chứng minh tài sản, khả năng tài chính của pháp nhân thương mại là cực kỳ quan trọng. Chính đặc điểm này thể hiện nội lực, vị thế của doanh nghiệp, từ đó thu hút những đối tác tiềm năng trong và ngoài nước. Tuy nhiên, hiện nay, bất chấp để thu hút vốn đầu tư, không ít doanh nghiệp đã lợi dụng việc chứng minh trên để công khai những thông tin sai lệch, số liệu không chính xác trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp mình. Hiện tượng này xảy ra nhiều và cũng đã có rất nhiều cách xử lý được đưa ra cho các nhà đầu tư cách để nhận biết báo cáo tài chính đã được “làm đẹp”. Dù phổ biến nhưng các pháp nhân thương mại khi hoạt động trên thương trường cũng không thể chủ quan, cần trang bị cho mình kiến thức và kỹ năng đầy đủ để có thể đối phó với những rủi ro tương tự như trên.

Bên cạnh đó, tồn tại khó khăn khác về mặt tài chính của pháp nhân thương mại trong hoạt động đầu tư quốc tế là sự thiếu hụt nguồn vốn. Trong những năm gần đây, số vốn đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam vẫn không ngừng tăng, là một dấu hiệu tốt, đặc biệt đến tháng 5 năm 2023, tổng số vốn đầu tư ra nước ngoài của nước ta lên đến gần 22.1 tỷ USD. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam không phải là một lợi thế mà chủ yếu Nhà nước quan tâm tới việc thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài nhiều hơn. Thêm vào đó với số vốn rất hạn chế của các doanh nghiệp, các dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam không những gặp khó khăn trong quá trình hoạt động mà còn không có đủ nguồn kinh phí để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, tìm kiếm thông tin trên quốc gia đang tiếp nhận đầu tư. Đây là lý do quan trọng cản trở đến hoạt động đầu tư quốc tế của pháp nhân thương mại.

Bằng chứng từ thực tiễn, trong một nghiên cứu về những hạn chế về tài chính và đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bồ Đào Nha, dựa trên những số liệu nghiên cứu, trong năm 2016 ở Bồ Đào Nha có đến 99,9% là doanh nghiệp vừa và nhỏ, sử dụng 79% lực lượng lao động và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của đất nước là 59%. Với tình trạng đất nước thời điểm đó tăng trưởng kinh tế còn sơ khai với quy mô nhỏ, cần thiết phải có sự thay đổi mang chiều hướng quốc tế hóa vì vậy các dự án đầu tư nước ngoài được quan tâm phát triển ở quốc gia này. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế ở Bồ Đào Nha năm 2016, những hạn chế về mặt tài chính đối với các doanh nghiệp có chiến lược đầu tư ra nước ngoài trở thành một vấn đề hết sức nan giải. Nếu công ty hoạt động có lãi cao, các khoản như lợi nhuận để lại sẽ tạo nên nguồn lực riêng đủ sức để công ty có thể sử dụng trong việc mở rộng, đầu tư. Ngược lại, nếu không, doanh nghiệp lại phải dựa vào các nguồn quỹ bên ngoài chủ yếu là từ ngân hàng, Chính phủ, lợi nhuận từ các khoản đầu tư tài chính mạo hiểm. Tuy nhiên đây đều là những sự lựa chọn rủi ro đối với các doanh nghiệp huy động vốn và cả những bên hỗ trợ tài chính. Nguồn lực tài chính yếu và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế, không ít doanh nghiệp Bồ Đào Nha tại thời điểm đó đã “vấp” phải thất bại.

3.2. Rủi ro pháp lý đến từ nguyên nhân khách quan

Bên cạnh rủi ro pháp lý đến từ nguyên nhân chủ quan, còn có những rủi ro đến từ nguyên nhân khách quan, các sự vật, sự việc diễn ra ngoài tầm kiểm soát của pháp nhân. Pháp nhân

thương mại khi tham gia các hoạt động quốc tế đều được cho là những chủ thể rất nhỏ. Tuy được công nhận và được các tổ chức, quốc gia trên toàn thế giới ban hành những đạo luật, quy định để bảo vệ quyền lợi, nhưng đối với một chủ thể “yếu thế” như pháp nhân thương mại thì việc dễ bị gây khó khăn bởi những chủ thể có thể lực mạnh hơn, đặc biệt khi tham gia những hoạt động trên trường quốc tế hoàn toàn có thể xảy ra. Có nhiều căn nguyên để phân chia những nguyên nhân khách quan thành nhiều nhóm, nhiều loại khác nhau nhưng điển hình nhất dựa trên cơ sở môi trường pháp lý khi pháp nhân tiến hành hoạt động kinh doanh, theo nhận xét của ông Nguyễn Minh Đức - Ban Pháp chế, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), có thể chia rủi ro pháp lý thành hai loại, bao gồm: rủi ro trong việc ban hành pháp luật và rủi ro trong quá trình thực thi pháp luật.

3.2.1. Rủi ro trong ban hành pháp luật

Pháp luật đóng vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của nhà nước. Trong tiến trình phát triển của các quốc gia không thể thiếu sự điều chỉnh, thay đổi và ban hành mới những quy định pháp luật. Điều này có sức ảnh hưởng vô cùng lớn đối với các hoạt động kinh doanh của pháp nhân thương mại nước ngoài. Cụ thể, khi tiến hành đầu tư trên quốc gia khác, doanh nghiệp cần có đầy đủ kiến thức, sự hiểu biết về pháp luật của đất nước đó để hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm những điều cấm của luật. Muốn làm được điều đó, các pháp nhân thương mại cần có hệ thống thông tin, nghiên cứu chính xác và đưa ra được những dự đoán về sự thay đổi của luật pháp nước sở tại, từ đó giúp doanh nghiệp biết trước quy định để có thời gian chuẩn bị và cũng không rơi vào thế bị động trước những sự thay đổi đột ngột.

Điển hình, đất nước Việt Nam là một trường hợp khá đặc biệt trong hoạt động ban hành pháp luật, tồn tại các đặc thù và sự khác biệt so với các quốc gia khác. Nghiên cứu về tính ổn định của pháp luật Việt Nam qua pháp luật doanh nghiệp và đầu tư, tác giả Phạm Duy Nghĩa chỉ ra rằng pháp luật chính là biểu hiện khác của chính sách, đường lối của Đảng. Nếu muốn pháp luật ổn định thì chính sách của Chính phủ phải ổn định và điều này chỉ xảy ra khi đường lối của Đảng ổn định. Trong khi đó, tính ổn định của pháp luật nước ta chưa cao, hệ thống pháp luật của đất nước vẫn tồn tại nhiều sự thay đổi trong khoảng thời gian không dài. Tại Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2022 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố, tại Việt Nam, tỷ lệ doanh nghiệp có thể dự đoán được những thay đổi về quy định pháp luật của Trung ương đang theo chiều hướng giảm tính từ năm 2013 đến năm 2021. Trong thời gian này, tỷ lệ doanh nghiệp trả lời “thường xuyên đoán được sự thay đổi” đạt tỷ lệ cao nhất là 15.75% vào năm 2014. Tuy nhiên, tỷ lệ này ngày càng giảm mạnh và chỉ còn 4.55% vào năm 2021. Dựa trên những số liệu được đưa ra trong Báo cáo, có thể thấy doanh nghiệp cũng là các pháp nhân thương mại rất “nhạy cảm” với việc ban hành pháp luật của quốc gia, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, họ không có lợi thế về quan hệ với Nhà nước như những doanh nghiệp Nhà nước hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Từ đó, có thể suy luận, đối với những pháp nhân thương mại khi tham gia hoạt động kinh doanh đầu tư quốc tế rất khó để dự đoán được sự thay đổi về pháp luật của quốc gia nước ngoài, điều này dễ dàng hơn cho pháp nhân nếu tiến hành đầu tư vào các doanh nghiệp Nhà nước nhưng lại là điểm bất lợi lớn đối với pháp nhân thương mại khi đầu tư vào doanh nghiệp tư nhân.

3.2.2. Rủi ro trong quá trình thực thi pháp luật

Rủi ro thực thi pháp luật được hiểu là rủi ro trong cách thức thi hành pháp luật của các cơ quan quản lý Nhà nước không có sự nhất quán. Pháp nhân thương mại luôn phải có sự quan sát, linh hoạt với quá trình thực thi pháp luật của nhà nước tiếp nhận đầu tư để có sự chuẩn bị, ứng phó kịp thời với mọi tình huống xảy ra khi môi trường pháp lý đang hoạt động bị thay đổi. Cần đặc biệt chú trọng đến mối quan hệ của pháp nhân nước ngoài với quốc gia nước sở tại tiếp nhận đầu tư.

Trên thực tế, mối quan hệ nêu trên được điều chỉnh bởi các Hiệp định Đầu tư Quốc tế (IIAs), mang bản chất là những thỏa thuận nhằm mục đích thúc đẩy và bảo hộ cho hoạt động đầu tư trên lãnh thổ của một quốc gia do các nhà đầu tư nước ngoài tiến hành. Tuy nhiên, rủi ro lại có thể xuất phát từ chính cơ chế được xây dựng vốn để bảo vệ cho các nhà đầu tư là pháp nhân khi đứng trước một chính phủ lớn mạnh, có lợi thế hơn rất nhiều. Tranh chấp giữa Tập đoàn khai thác Copper Mesa với Nhà nước Cộng hòa Ecuador là một ví dụ điển hình.

Vào thời điểm từ năm 2008 đến 2009, có tất cả ba dự án khai thác mỏ bao gồm: Junin, Chaucha và Telimbela thuộc Tập đoàn Copper Mesa đều bắt buộc dừng tiến hành, đồng thời phải trả lại cho Chính phủ Ecuador. Lý do là trong tháng 04 năm 2008, Nhà nước Ecuador đã tuyên bố các hoạt động khai khoáng trên lãnh thổ nước này cần phải phù hợp với lợi ích của quốc gia và sẽ chấm dứt quyền khai thác mà không có bất cứ khoản bồi thường nào đối với những khu vực khai thác khoáng sản không đáp ứng theo đúng những quy định của Pháp lệnh Khai khoáng đã được Hội đồng lập hiến thông qua. Trong thời điểm này, dự án Junin của Copper Mesa bị Chính phủ Ecuador tuyên bố không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Pháp lệnh do không tiến hành trưng cầu ý dân về các tác nhân ảnh hưởng của hoạt động khai thác tới môi trường, đồng thời dự án này bị hủy. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn sau, năm 2009, Nhà nước Ecuador tiếp tục thông qua Luật Khai khoáng mới, có quy định yêu cầu những dự án mà Nhà nước đã qua thăm dò địa chất hoặc được tiến hành nghiên cứu khả thi thì phải trả lại cho Nhà nước. Dự án Chaucha cùng với Telimbela của Tập đoàn Copper Mesa liên tục nằm trong diện kể trên và đều bị Ecuador thu hồi. Mặt khác, một công ty khai thác là công ty sở hữu nhà nước của Ecuador có tên ENAMI lại được Chính phủ Ecuador cấp quyền khai thác ưu tiên cho hàng loạt các dự án khai thác của công ty này và không đưa ra bất cứ lý do cụ thể nào. Qua những sự kiện liên tiếp, Copper Mesa nhận định rằng các khoản đầu tư của Tập đoàn vào Ecuador đã không được Nhà nước này đối xử công bằng và thỏa đáng theo đúng luật pháp quốc tế. Cụ thể, đối chiếu với các điều khoản của Hiệp định Đầu tư Quốc tế, Nhà nước Ecuador đã vi phạm nghĩa vụ đối xử công bằng và thỏa đáng (FET), là nghĩa vụ yêu cầu quốc gia tiếp nhận đầu tư phải đảm bảo tiêu chuẩn đối xử, không có sự phân biệt, so sánh giữa các nhà đầu tư trong nước hay nhà đầu tư của nước thứ ba. Đây là một trường hợp tranh chấp tương đối điển hình, nhưng đã thể hiện được vi phạm mà Chính phủ nước ngoài hay mắc phải thường xuyên nhất.

Thông qua những sự việc tương tự như trên, các pháp nhân thương mại cần thiết phải tìm hiểu và dự liệu được những rủi ro mà tổ chức mình có thể gặp phải và pháp nhân phải trang bị cho mình những kiến thức pháp luật về lĩnh vực mà mình đang hoạt động để bảo vệ được các quyền và lợi ích chính đáng của pháp nhân.

4. Bài học kinh nghiệm cho pháp nhân thương mại và kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý trong hoạt động đầu tư quốc tế

4.1. Bài học kinh nghiệm cho pháp nhân thương mại khi tham gia hoạt động đầu tư quốc tế

Trên cơ sở phân tích trên các rủi ro pháp lý liên quan đến thị trường đầu tư nước ngoài của các nhà đầu tư, nhóm tác giả rút ra được một số bài học kinh nghiệm cho pháp nhân thương mại cần quan tâm khi muốn tham gia vào hoạt động đầu tư quốc tế.

Thứ nhất, các chủ thể trong hoạt động đầu tư quốc tế sử dụng tư cách pháp nhân một cách trung thực và đúng với ý nghĩa của nó nhằm bảo đảm quyền lợi và sự minh bạch, công bằng cho tất cả các chủ thể tham gia. Bên cạnh đó, các đối tác cũng cần tìm hiểu ngọn ngành trước khi hợp tác tránh gặp phải tình trạng lậm dụng tư cách pháp nhân. Trước khi bước vào hoạt động đầu tư quốc tế, pháp nhân thương mại cần phải xác định rõ mục tiêu và chiến lược đầu tư của dự án đó, bao gồm việc xác định rõ lợi nhuận, thời gian đầu tư dự kiến và cần sự nghiên cứu thị trường một cách kỹ lưỡng.

Thứ hai, chuẩn bị nguồn vốn đủ mạnh để đứng vững được ở thị trường nước ngoài. Ngày nay, các chính sách của nhà nước nhằm hỗ trợ cũng như khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài còn nhiều hạn chế, vì vậy tự doanh nghiệp khi muốn đầu tư quốc tế phải chuẩn bị nguồn vốn đủ mạnh để giành được lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, các nhà đầu tư nên thận trọng, kiểm tra trước những thông tin được cung cấp trong báo cáo tài chính của dự án nhằm tránh những thông tin sai lệch hay số liệu không chính xác gây ảnh hưởng đến nguồn vốn. Pháp nhân thương mại cần phải có chiến lược quản lý rủi ro, điều này có thể bao gồm việc xác định rủi ro chính, tìm cách giảm thiểu chung và xác định các kế hoạch dự phòng. Qua đó, đảm bảo rằng các chủ thể có kế hoạch tài chính cẩn thận và có nguồn vốn đủ để thực hiện dự án đầu tư.

Thứ ba, cần có nguồn thông tin, bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp ở nước tiếp nhận đầu tư để dự đoán sự thay đổi của pháp luật. Pháp nhân thương mại cần đầu tư vào nguồn nhân lực, nhằm bảo đảm luôn có đội ngũ nhân sự chất lượng nhằm quản lý thông tin về dự án và thực hiện nghiên cứu môi trường pháp lý ở nước tiếp nhận đầu tư. Quá trình quản lý và đánh giá thị trường này sẽ giúp chủ đầu tư đặt ra những kế hoạch dự phù hợp trong tương lai.

Thứ tư, các nhà đầu tư cần trang bị kiến thức pháp luật đầy đủ và dữ liệu được những rủi ro doanh nghiệp mình có thể gặp phải khi đầu tư ở một quốc gia khác. Thị trường quốc tế là thị trường phức tạp bởi sự tham gia của nhiều quốc gia vậy nên nó có thể thay đổi nhanh chóng, chính vì vậy pháp nhân thương mại khi muốn tham gia đầu tư quốc tế phải linh hoạt và sẵn sàng thích nghi với những biến đổi. Việc tuân thủ luật pháp trong cả nước mình và ở nước đầu tư là quan trọng. Do vậy, chủ đầu tư cần hiểu rõ các quy định về đầu tư quốc tế, thuế và các quy định liên quan. Nhằm thực hiện tốt điều đó, các nhà đầu tư phải thường xuyên đánh giá và rút kinh nghiệm từ những sai lầm, thành công trong quá trình đầu tư quốc tế và cập nhật thường xuyên những thay đổi của hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động liên quan đến đầu tư của nước sở tại. Điều này sẽ giúp pháp nhân thương mại điều chỉnh chiến lược đầu tư và nâng cao hiệu suất của quá trình đầu tư nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định thực tiễn.

Như vậy, môi trường đầu tư quốc tế rất phức tạp đòi hỏi các pháp nhân thương mại cần chuẩn bị những phương án tốt cho các dự án quốc tế nhằm hạn chế tối đa rủi ro có thể gặp phải trong quá trình đầu tư quốc tế.

4.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật và kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý trong hoạt động đầu tư quốc tế tại Việt Nam

4.2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động đầu tư quốc tế tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam không ngừng đẩy mạnh hoạt động đầu tư quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tiếp thu kinh nghiệm quản lý và công nghệ tiên tiến của các nước, qua đó đẩy mạnh quan hệ cộng đồng. Nếu như trước đây, chủ thể của hoạt động đầu tư quốc tế được thực hiện chủ yếu bởi các doanh nghiệp thì đến nay chủ thể tiến hành các hoạt động đó đa dạng hơn, không chỉ các doanh nghiệp mà gồm cả tổ chức, cá nhân khác. Pháp luật Việt Nam đã quy định về hoạt động đầu tư quốc tế có thể thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm việc các nhà đầu tư Việt Nam góp 100% vốn vào tổ chức kinh tế, doanh nghiệp liên doanh giữa nhà đầu tư Việt Nam và nhà đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư, hợp đồng hợp tác kinh doanh... Hình thức đầu tư được mở rộng qua đó nhiều nhà đầu tư tại Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành công nhất định.

Tuy nhiên, hiện nay tại Việt Nam các nhà đầu tư còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc trong thủ tục cấp phép trong hoạt động đầu tư quốc tế. Thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế tại Việt Nam được coi là khá phức tạp, gây mất nhiều thời gian và tốn kém chi phí cho các nhà đầu tư. Thực tiễn cho thấy thời hạn thực hiện các thủ tục kéo dài khiến cho nhiều nhà đầu tư Việt Nam bỏ lỡ mất nhiều cơ hội đầu tư kinh doanh ở nước ngoài. Bên cạnh đó, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư còn nhiều hạn chế. Quy định về việc báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài tần suất còn tương đối dày đối với nhà đầu tư và nhiều nhà đầu tư chưa tự giác thực hiện quy định này. Hiện nay, theo quy định là hàng quý, hàng năm nhà đầu tư phải gửi báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư cho cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tuy nhiên thực tiễn hoạt động này chưa được các nhà đầu tư tuân thủ theo quy định. Việc này gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc thống kê, giám sát tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, công tác quản lý của các cơ quan có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư quốc tế còn rất nhiều bất cập, Việt Nam chưa có chiến lược đầu tư dài hạn ra nước ngoài cụ thể là những biện pháp hỗ trợ cho sự phát triển hoạt động đầu tư chưa được xây dựng cụ thể. Khâu quản lý triển khai dự án đầu tư quốc tế thuộc về nhiều cơ quan, do có nhiều cơ quan cùng thực hiện nên việc xác định cụ thể cơ quan nào là cơ quan chịu trách nhiệm chính còn gặp nhiều khó khăn. Đối với nhà đầu tư, việc thực hiện chế độ báo cáo tiến độ triển khai dự án cũng gặp trở ngại do phải báo cáo với nhiều cơ quan khác nhau, cả cơ quan tại nước sở tại cũng như cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam.

Như vậy, trên thực tế trong việc áp dụng các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế, pháp nhân thương mại Việt Nam còn gặp rất nhiều rủi ro, hạn chế trong các vấn đề liên quan đến thủ tục, cấp phép, do đó Việt Nam cần cập nhật và hoàn thiện các quy định, chính sách để đẩy mạnh hoạt động đầu tư quốc tế của pháp nhân thương mại Việt Nam.

4.2.2. Kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật trong hoạt động đầu tư quốc tế tại Việt Nam

Thực tiễn cho thấy mặc dù đã có các hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư của pháp nhân thương mại một cách hệ thống, tuy nhiên vẫn còn phát sinh nhiều mặt hạn chế và khó khăn, tác động không nhỏ tới hiệu quả đối với thực thi pháp luật, do đó cần phải có hoàn thiện hành lang pháp lý một cách chặt chẽ hơn nhằm hạn chế những rủi ro mà pháp nhân thương mại đang gặp phải.

Thứ nhất, cần hoàn thiện hành lang pháp lý về thủ tục quyết định chủ trương đầu tư quốc tế. Cơ quan có thẩm quyền cũng như nhà đầu tư cần thống nhất trong việc thực hiện các thủ tục đối với hoạt động đầu tư quốc tế, do vậy cần hoàn thiện và có những quy định hướng dẫn chi tiết cụ thể hơn về hồ sơ, thủ tục, trình tự nhằm giảm thiểu rủi ro về mặt thời gian trong quá trình phê duyệt, chấp nhận hoạt động đầu tư của pháp nhân thương mại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần tăng cường các hoạt động hỗ trợ và tư vấn về đầu tư nước ngoài cho các pháp nhân thương mại Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền cần tích cực đẩy mạnh vai trò của mình trong việc hỗ trợ các pháp nhân thương mại Việt Nam việc tìm hiểu cơ hội đầu tư tại thị trường quốc tế, cụ thể là cần thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn để pháp nhân thương mại Việt Nam có cơ hội gặp gỡ, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm,... Bên cạnh đó là hỗ trợ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư của pháp nhân thương mại Việt Nam. Trong điều kiện và khả năng cho phép, Chính phủ nên thực hiện một số biện pháp để hỗ trợ tài chính ở mức hợp lý, chẳng hạn như là có thể thiết lập Quỹ đầu tư quốc gia trực thuộc Chính phủ để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư quốc tế của pháp nhân thương mại tại Việt Nam.

Thứ hai, xây dựng chiến lược phát triển đầu tư quốc tế. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần khẩn trương xây dựng Chiến lược đầu tư ra nước ngoài chung của quốc gia để làm định hướng cho hoạt động đầu tư quốc tế của các pháp nhân thương mại Việt Nam. Với một chiến lược cụ thể thể hiện tầm nhìn và định hướng của Chính phủ qua đó có vai trò thúc đẩy hoạt động đầu tư quốc tế phát triển mạnh mẽ. Đồng thời, qua đó các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, các bộ ngành liên quan có căn cứ để xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể cho các nhà đầu tư. Ngoài ra, việc tăng cường hợp tác giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới nhằm trao đổi thông tin, xây dựng cơ chế chính sách nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh, đầu tư hiệu quả. Đồng thời, các cơ quan lãnh sự tại nước ngoài của Việt Nam nên có biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc cũng như ban hành các chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư.

Thứ ba, cần quy định rõ ràng hơn về các quyền và nghĩa vụ của pháp nhân thương mại trong hoạt động đầu tư quốc tế. Sở dĩ, pháp luật quy định cụ thể sẽ giúp pháp nhân thương mại nắm rõ được quyền và nghĩa vụ của mình, qua đó chủ động hơn trong việc thực hiện các thủ tục, trình tự liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế nhằm tối ưu hóa thời gian giữa các bên. Bên cạnh đó, cần sửa đổi một số quy định nằm phù hợp với thực tiễn hiện nay chẳng hạn như các quy định liên quan đến hạn mức chuyển tiền ngoại tệ,... qua đó nhằm đảm bảo quyền tự do cho nhà đầu tư cũng như đảm bảo cho các hoạt động đầu tư quốc tế diễn ra một cách hiệu quả.

Thứ tư, nâng cấp và cải tiến hệ thống công thông tin quốc gia bằng việc xây dựng Trung tâm thông tin thương mại - đầu tư quốc gia nhằm cung cấp các thông tin cần thiết cho các nhà đầu tư. Nó không chỉ đóng vai trò trong việc hỗ trợ doanh nghiệp trong việc kê khai hồ sơ đăng ký đầu tư quốc tế mà còn là kênh để các nhà đầu tư có thể khai thác thông tin của các doanh nghiệp tiềm năng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết hợp với Bộ Công Thương vận hành Trung tâm kết nối với thị trường quốc tế nhằm cung cấp thông tin miễn phí cho các nhà đầu tư, qua đó pháp nhân thương mại Việt Nam có cơ hội nghiên cứu thị trường quốc tế và đưa ra được những rủi ro hạn chế. Như vậy, hệ thống thường xuyên được kiểm tra, nâng cấp là điều rất cần thiết để các nhà đầu tư có thể theo dõi các thông tin một cách thuận tiện qua đó đẩy mạnh hơn trong các hoạt động đầu tư.

Thứ năm, các nhà đầu tư Việt Nam nên thành lập Hiệp hội đầu tư quốc tế nhằm hỗ trợ và đẩy mạnh cho các pháp nhân thương mại trong việc thực hiện và triển khai các hoạt động đầu tư quốc tế một cách hiệu quả. Thông qua các hiệp hội, cơ hội kết nối giữa các nhà đầu tư cũng được đẩy mạnh một cách chặt chẽ, các pháp nhân thương mại có thể hỗ trợ lẫn nhau tìm hiểu và tháo gỡ những hạn chế, vướng mắc đang gặp phải liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế.

Hoạt động đầu tư quốc tế của pháp nhân thương mại Việt Nam đến hiện nay đã đạt được những thành tựu nhất định và mở ra một triển vọng nhiều hứa hẹn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động đầu tư quốc tế đã nảy sinh một số vướng mắc, bất cập, gây không ít khó khăn cho các pháp nhân thương mại Việt Nam. Vì vậy, việc hoàn thiện các chính sách, hệ thống pháp luật tạo tiền đề và hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư quốc tế, qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư quốc tế của pháp nhân thương mại Việt Nam được phát triển một cách mạnh mẽ.

Kết luận

Nhìn chung, tình trạng đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam đã có những bước phát triển tích cực trong những năm gần đây. Từ việc khai thác, đánh giá ở trên có thể thấy rằng trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay, các quan hệ thương mại ngày càng có xu hướng đa dạng và phức tạp hơn khiến cho số lượng những tranh chấp thương mại cũng gia tăng đáng kể. Chính vì vậy, việc kéo theo vấn đề pháp lý là vấn đề tiềm ẩn những rủi ro cao mà buộc các nhà đầu tư phải chuẩn bị sẵn sàng những hành trang, kiến thức và nền tảng cơ bản nhất khi từng bước “chinh chiến” trên thương trường nước ngoài. Điều này đòi hỏi chính phủ phải đưa ra những chính sách hợp lý và có sự cân nhắc trong việc thực thi các hiệp định về đầu tư quốc tế hơn. Đặc biệt là vấn đề rõ ràng và thống nhất các quy định pháp lý, quy trình phê duyệt và giải quyết tranh chấp, cũng như việc áp dụng và thêm thủ thuật các quy luật pháp luật. Tổng kết lại, quá trình đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam mang đến nhiều kinh nghiệm và bài học quý giá. Vì vậy, nắm bắt thông tin trong thị trường, xác định rõ ràng các mục tiêu, xây dựng mối liên hệ đáng tin cậy, đánh giá rủi ro và phòng tránh, và tranh thủ công việc học hỏi từ kinh nghiệm là yếu tố quan trọng để đạt được thành công trong đầu tư ra nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

Bích, N. (2003), “Tầm nhìn chiến lược về đầu tư ra nước ngoài”, Available at: <https://nhandan.vn/tam-nhin-chien-luoc-ve-dau-tu-ra-nuoc-ngoai-post758305.html> (Accessed 1 Oct. 2023).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước ngoài (2017), “Đầu tư ra nước ngoài : “Bệ phóng” và sự “bùng nổ””, Available at: <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/90c0e0c8-58ee-4737-bf70-5f08acea5ca8/NewsID/98a97ef2-cf08-40eb-9223-6c8c8eb6a495> (Accessed 1 Oct. 2023).

Bộ luật Dân sự năm 2015.

Diệu, T. (2023), “Doanh nghiệp cần môi trường pháp lý ổn định để phát triển”, *Báo Kiểm toán*, Available at: <http://baokiemtoan.vn/doanh-nghiep-can-moi-truong-phap-ly-on-dinh-de-phat-trien-24524.html> (Accessed 10 Oct. 2023).

International Monetary Fund (2001), “Foreign Direct Investment Statistics”, Available at: <https://www.imf.org/external/pubs/ft/fdis/2003/fdistat.pdf> (Accessed 10 Oct. 2023).

Isabel, D. & Diana, S. F. (2021), “Financial constraint and foreign direct investment of SMEs: evidence from Portugal”, *Revista mexicana de economía y finanzas*, Vol. 16, No. 2, pp. 535.

Lê, M. T. (2023), “Đầu tư quốc tế là gì? Nguyên nhân, ảnh hưởng của đầu tư quốc tế”, Available at: <https://luatminhkhue.vn/dau-tu-quoc-te-la-gi.aspx> (Accessed 1 Oct. 2023).

Lê, N. A. (2020), “Thực tiễn thi hành các quy định pháp luật về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài”, *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Mở Hà Nội*, No. 68, pp. 33-34.

Lê, T. (2020), “Vi phạm các điều khoản tiêu chuẩn đối xử và bảo hộ của IIA trong tranh chấp ISDS giữa chính phủ nhận đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài - trường hợp Ecuador”, *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, No. 224-225, pp. 59-69.

Luật Đầu tư năm 2020.

Ngô, T. Q. & Ngô, T. N. (2022), “Quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài trong các hiệp định đầu tư quốc tế”, Available at: <https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCHN/Attachments/351576/CVt63S52022082.pdf> (Accessed 5 Oct. 2023).

Nguyễn, T. D. & Cao, T. L. D. (2017), “Nguyên tắc đối xử công bằng và thỏa đáng trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư”, *Nhà nước và Pháp luật*, No. 8, pp.45-58.

Nguyễn, V. L. (2022), “Pháp nhân và sự lạm dụng tư cách pháp nhân trong hoạt động thương mại”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, No. 9, pp.21-24.

Organization for Economic Cooperation and Development (2015), “How international investment is shaping the global economy”, Available at: <https://www.oecd.org/investment/2015-international-investment-blog-compilation.pdf> (Accessed 10 Oct. 2023).

Phạm, D. N. (2019), “Tính ổn định của pháp luật Việt Nam qua ví dụ lĩnh vực pháp luật doanh nghiệp và đầu tư”, *Đại học Fullbright Việt Nam*.

Phạm, Q. T. & Bùi, H. N. (2015), “Hai mươi lăm năm đầu tư nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, No. 873.

Phan, T. N. H. (nd), “Pháp luật về thủ tục đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam”, *Luận văn thạc sĩ Khoa Luật*, Đại học Quốc gia.

Thúy, Q. (2023), “Tình hình đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài 5 tháng đầu 2023”, Available at: <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2023/Tinh-hinh-dau-tu-cua-Viet-Nam-ra-nuoc-ngoai-5-than-363138.aspx> (Accessed 2 Oct. 2023).

Trần, A. T. & Trịnh, H. Y. (2019), “Pháp luật Việt Nam về đầu tư nước ngoài, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong thời kỳ đổi mới”, *NXB Chính trị quốc gia sự thật*.

Trần, N. T. (2018), “Thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của Trọng tài ICSID và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, No. 1, pp.83-89.

Trần, T. H. (2018), “Kinh nghiệm pháp luật về quản lý dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của Nhật Bản, Hàn Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc quản lý doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài”, *Tạp chí Nghề luật*, No. 2, pp.77-78.

Vũ, C. L. (2011), Giáo trình Đầu tư quốc tế, tái bản lần thứ 1, *Trường Đại học Ngoại thương*, pp. 16-17, pp. 36.

World Trade Organization (1996), “Trade and foreign direct investment”, Available at: https://www.wto.org/english/news_e/pres96_e/pr057_e.htm (Accessed 10 Oct. 2023).